

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2025

Số: /BC-BCĐ

DỰ THẢO LẦN 3

BÁO CÁO

V/v tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển

**Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030
và đề xuất phương hướng giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2035**

Thực hiện Kế hoạch số 99 /KH-ĐHSPTDTTTHN ngày 14/02/2025 về tổng kết Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030, nhằm tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả 05 năm thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao (TDTT) Hà Nội, giai đoạn 2020-2025 (sau đây gọi tắt là Chiến lược giai đoạn 2020 - 2025) của Trường; qua đó nêu bật những thành tích, kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2020 - 2025; kiến nghị, đề xuất xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc xây dựng, ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2035, Ban chỉ đạo tổng kết Chiến lược báo cáo quả triển khai như sau:

PHẦN THỨ NHẤT TÌNH HÌNH CHUNG

I. Bối cảnh bên ngoài và bên trong

1. Bối cảnh bên ngoài

a) Cơ hội

- Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo, yêu cầu phải “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước”. Trước đây chỉ đề cập phương hướng chung: “giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Văn kiện lần này yêu cầu xác định rõ mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới, nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc và “Chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, sự ra đời của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học đã tạo sự thống nhất có tính hệ thống, tạo điều kiện thuận lợi cho lĩnh vực giáo dục đại học phát triển.

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan hữu quan ở địa phương, sự chia sẻ, giúp đỡ của chính quyền địa phương, các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đặc biệt khi tham gia cộng đồng ASEAN thì thị trường lao động cạnh tranh quyết liệt hơn, đòi hỏi người lao động phải có chuyên môn, kỹ năng nghề nhất định mới hy vọng có được việc làm và thu nhập ổn định. Nhận thức của xã hội về ngành nghề TDDT đã có nhiều chuyển biến tích cực qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của giáo dục, nhất là kinh tế - xã hội của đất nước đang trên đà tăng trưởng và phát triển, nhất là sự phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao (TDDT).

- Nhu cầu của xã hội về hoạt động TDDT, các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, về nguồn nhân lực có trình độ cao trong hoạt động TDDT ngày càng tăng và đa dạng .

b) Thách thức

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế số trở thành một trong những xu hướng phát triển chủ yếu của thời đại, tác động đến các hoạt động của Nhà trường, nhất là cuộc cách mạng 4.0 đòi hỏi nếu không thay đổi tư duy để nhận thức về hợp tác quốc tế, không nắm bắt và tận dụng tốt thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 thì rất khó khăn trong phát triển và khó khẳng định vị trí của mình.

- Thị trường lao động biến động và phát triển; đào tạo chưa gắn với nhu cầu và đáp ứng được yêu cầu của xã hội dẫn tới tỷ lệ sinh viên ra trường không có việc làm cao đòi hỏi trách nhiệm xã hội và năng lực nghiên cứu phát triển của trường đại học ngày càng cao.

- Cạnh tranh giữa các trường đại học ngày càng gia tăng đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các trường đại học mới thành lập với các trường có “bề dày” và “thương hiệu”. Do một thời gian dài, việc nâng cấp và mở mới các trường đại học dẫn đến hệ thống các trường sư phạm phân bố dàn trải, nguồn lực bị phân tán; Một số trường sư phạm có các khoa đào tạo thực hiện nhiệm vụ trùng với nhiệm vụ chủ chốt của Trường gây nên sự chồng chéo, ảnh hưởng trực tiếp việc thu hút sinh viên. Bên cạnh đó thách thức về nguy cơ không thu hút được giảng viên có trình độ chuyên môn cao; Xu thế học nghề tăng lên, học đại học giảm đi; nhiều doanh nghiệp lớn thu hút người lao động không cần qua đào tạo.

- Đứng trước cánh cửa hội nhập kinh tế quốc tế, yêu cầu đổi mới về mọi mặt để tồn tại và phát triển, đặc biệt Trường phải thực hiện đổi mới hoạt động theo cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo định hướng của Đảng và Nhà nước trong điều kiện chưa có cơ chế, chính sách, hướng dẫn cụ thể để tiến hành thực hiện quyền tự chủ.

- Áp lực từ việc mở mới mã ngành đáp ứng nhu cầu xã hội, kinh phí đầu tư trang thiết bị cho giảng dạy rất lớn, yêu cầu tự chủ trong hoạt động, ngân sách nhà nước cấp ngày càng hạn hẹp, việc hợp tác với doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ chế chính sách ràng buộc,... là những thách thức không nhỏ cho Nhà trường trong quá trình phát triển.

- Đại dịch COVID-19 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều lĩnh vực, trong đó giáo dục, đào tạo nói chung, đến Nhà trường nói riêng.

2. Bối cảnh bên trong

a) Cơ hội

- Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm và lãnh đạo toàn diện trên tất cả các mặt công tác. Đội ngũ viên chức, sĩ quan, người lao động (VC, SQ, NLĐ) được quan tâm tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn; nhận thức chính trị, kỹ năng nghề nghiệp cũng như các điều kiện làm việc, chế độ chính sách được giải quyết đầy đủ, kịp thời, các điều kiện trên đã giúp cho VC, SQ, NLĐ phấn khởi, yên tâm công tác, gắn bó với đơn vị, với Nhà trường.

- Truyền thống đoàn kết và môi trường sống, làm việc sư phạm, nhân ái, văn hóa của Nhà trường đã gắn kết VC, SQ, NLĐ trong toàn trường, tạo nên động lực thi đua, sẵn sàng hợp tác chia sẻ, cộng đồng trách nhiệm, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ trong công việc và trong cuộc sống hàng ngày.

- Nhà trường đã triển khai tốt các hình thức và biện pháp giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống đối với SV, nên đa số SV có nhận thức đúng đắn về mục tiêu đào tạo, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có ý thức kỷ luật, có đạo đức, lối sống lành mạnh.

b) Khó khăn

- Giai đoạn thực hiện Chiến lược phát triển bị ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch Covid-19;
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo sau nhiều năm sử dụng, nhiều hạng mục đã bị xuống cấp.
- Nguồn lực tài chính cử đi đào tạo còn gặp hạn chế nhất định, chính sách thu hút nhân tài, chính sách đãi ngộ cũng gặp khó khăn.
- Thách thức việc cạnh tranh trong ngành nghề đào tạo từ các cơ sở giáo dục có đào tạo giáo viên gây ra khó khăn cho chỉ tiêu của nhà trường.
- Tác động mặt trái của kinh tế thị trường ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm một bộ phận viên chức, người lao động; tình trạng “chảy máu chất xám” đang trở thành xu thế nguy cơ thiếu hụt đội ngũ có chất lượng cao.
- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp cho nhà trường giảm hàng năm
- **Số lượng, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm được Bộ Giáo dục và đào tạo giao hàng năm còn hạn chế.**
- Việc chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang tín chỉ bên cạnh mặt tích cực, cũng phát sinh nhiều khó khăn cho công tác quản lý sinh viên, dẫn tới một bộ phận SV chưa tập trung cho thời gian hoạt động, có biểu hiện của lối sống hưởng thụ, đua đòi, chưa thực sự tự giác, tích cực trong học tập, rèn luyện.

PHẦN THỨ HAI

KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

1. Việc quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện

Ngay sau khi Hội đồng trường Ban hành sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; triết lý giáo dục, tại Quyết định số 16/QĐ-ĐHSPTDTHN-HĐT, ngày 26/10/2020; Chiến lược phát triển Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 tại Quyết định số 24/QĐ-ĐHSPTDTHN-HĐT, ngày 16/10/2020, Đảng ủy Nhà trường đã lãnh đạo, chỉ đạo tập trung công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng trong toàn thể viên chức, sĩ quan, người lao động, người học trong nhà trường. Năm 2021 ban hành Nghị quyết chuyên đề số 40- NQ/ĐU tập trung tuyên truyền triển khai quán triệt học tập các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, gắn với tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và hành động, nhiệm vụ giữ gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Năm 2022 ban hành Nghị quyết chuyên đề số 384-NQ/ĐU về tập trung tuyên truyền triển khai quán triệt học tập các nghị quyết, chỉ thị của Đảng năm 2022, gắn với hành động, nhiệm vụ giữ gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

Để chuyển tải, phổ biến những nội dung quan trọng nhằm tác động tới cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của quá trình giáo dục trong nhà trường theo hướng phát triển con người toàn diện, Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành kế hoạch chương trình hành động và truyền thông Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục, giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030; Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030; Thông báo về việc giải thích Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030. Đồng thời triển khai bằng nhiều hình thức linh động phù hợp, đồng bộ của cả hệ thống chính trị nhà trường, bám sát tình hình thực tế. Đặc biệt chú trọng tới công tác tổ chức hội nghị cho viên chức, sĩ quan, người lao động trong toàn trường quán triệt nội dung nghị quyết.

Hàng năm đơn vị truyền thông đã cụ thể hóa thành các nhiệm vụ tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục được thể hiện trong kế hoạch truyền thông...

Chính vì thế viên chức, sĩ quan, người lao động đều ý thức, trách nhiệm cao đối với thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. Đánh giá việc tổ chức thực hiện chiến lược

1. Về thực hiện mục tiêu công tác đào tạo

1.1. Đánh giá kết quả triển khai

a) Về thực hiện mục tiêu tự chủ mở ngành đào tạo và quy mô đào tạo

Thực hiện tự chủ và tự chịu trách nhiệm về học thuật và hoạt động chuyên môn¹ Nhà trường đã tổ chức triển khai mở rộng ngành nghề đào tạo, đảm bảo theo năng lực của trường sang đào tạo theo nhu cầu xã hội, chuyển từ đào tạo đơn ngành, sang đa ngành. Cụ thể:

Năm 2021: Đào tạo ngành giáo dục quốc phòng và an ninh

Năm 2022: Đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Giáo dục học

Năm 2023: Đào tạo ngành Huấn luyện thể thao

Năm 2024: Đào tạo song song hai chương trình (ngành Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh).

Hiện Nhà trường đang đào tạo các ngành nghề, trình độ gồm:

- + Đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Giáo dục học.
- + Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học.
- + Đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất.
- + Đào tạo trình độ đại học ngành Huấn luyện thể thao.
- + Đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục quốc phòng và an ninh.
- + Đào tạo song bằng trình độ (ngành Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh).
- + Đào tạo cấp chứng chỉ môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường ĐH, CĐ Khu vực Hà Nội.

Tổng số sinh viên/nghiên cứu sinh/học viên hiện tại là: 1927 (Trong đó 15 nghiên cứu sinh; 77 ThS; 1455 đại học chính quy; 213 đại học vừa làm vừa học; 67 đại học liên thông vừa làm vừa học). Tổng số sinh viên học tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh: 163169 (Trong đó 163169 hệ Đại học, Cao đẳng học theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

b) Về thực hiện mục tiêu đổi mới phương pháp dạy học

Quản trị và thực hiện chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới quản lý giáo dục đại học, Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu đã lãnh đạo, chỉ đạo:

- Tập trung đổi mới nội dung chương trình, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả giáo dục; tập trung thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học, thi và áp dụng công nghệ đo lường hiện đại trong đánh giá để đáp ứng tốt hơn nhu cầu người học, nhất là việc đổi mới chương trình đào tạo đại học theo hướng tiếp cận năng lực người học, đáp ứng chuẩn đầu ra và theo nhu cầu xã hội, tăng cường áp dụng các chương trình đào tạo tiên tiến của các trường đại học trên thế giới vào giảng dạy;

- Cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo “Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”; tăng cường rèn luyện năng lực thực hành cho người học thông qua các hình thức, phương pháp dạy học.

- Tập trung dạy cách học, cách tư duy sáng tạo, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự học suốt đời, cập nhật, bổ sung tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển

1. Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập Giáo dục và Đào tạo.).

từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, tăng cường các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học,... để rèn luyện năng lực tư duy, kỹ năng giải quyết tình huống thực tiễn, những vấn đề lý luận mới, những mâu thuẫn nảy sinh,... cho học viên.

- Tập trung rà soát quy chế đào tạo, trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay đã rà soát sửa đổi 01 lần quy chế đào tạo;

- Tăng cường công tác dự giờ, thi giảng; tổng số giờ giảng viên thi giảng 144 giờ thi giảng. Cụ thể các năm:

- Năm 2021: 30 giờ

- Năm 2022: 46 giờ

- Năm 2023: 48 giờ

- Năm 2024: 20 giờ

b) Về thực hiện mục tiêu đổi mới chương trình đào tạo

Quán triệt các văn bản của Đảng và Nhà nước về công tác đào tạo, Nhà trường đã tiến hành đổi mới đồng bộ, toàn diện các thành tố của quá trình giáo dục, đào tạo; đặc biệt chú trọng "quá trình mở rộng quy mô" với "đảm bảo chất lượng đào tạo" và xem đây là một yếu tố tiên quyết ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển. Nhiều giải pháp để quản lý được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, nhất là khâu đột phá đổi mới chương trình, nội dung gắn với đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học.

d) Về thực hiện mục tiêu đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá

- Đối với công tác tuyển sinh: Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng, Nhà trường cùng các trường đại học, cao đẳng trong cả nước triển khai đổi mới công tác tuyển sinh theo Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia, kỳ thi THPT quốc gia. Căn cứ theo Thông tư, Nhà trường xây dựng Đề án tự tuyển sinh theo hướng kết hợp thi tuyển môn Năng khiếu Thể dục thể thao tại Trường. Với sự đầu tư, đổi mới công tác tuyển sinh², Nhà trường đạt được nhiều kết quả, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh dự thi, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác, nâng cao chất lượng tuyển chọn đầu vào, cụ thể số thí sinh dự thi các năm

- Năm 2021: 2288

- Năm 2022: 1316

- Năm 2023: 1371

² - Năm 2021: Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19, Nhà trường đã tổ chức thi năng khiếu tuyển sinh năm 2021 với hình thức trực tuyến qua nền tảng Zoom. Những đổi mới trong đề án tuyển sinh: Nội dung 1: Kiểm tra thể hình: Chiều cao, cân nặng và các dị tật (nếu có). Thí sinh cam kết chiều cao, cân nặng và các dị tật (nếu có), trung thực trong thực hiện và kê khai. Thí sinh sẽ bị hủy kết quả nếu phát hiện sự gian lận (tổ chức hậu kiểm). Nhà trường đánh giá trực tuyến về thể hình, giọng nói theo yêu cầu đào tạo. Nội dung 2: Nhảy dây 1 phút (tính số lần); Nội dung 3: Nắm giữa gập bụng 1 phút (tính số lần). Thí sinh được phép thực hiện các nội dung thi tối đa 2 lần, lấy thành tích cao nhất.

- Năm 2022: Với số lượng thí sinh đăng ký đông, Nhà trường thống nhất thay nội dung năng khiếu chạy 100m bằng nội dung chạy 60m, tiết kiệm thời gian kỳ thi. Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 2 môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt 13,0 trở lên hoặc tổng điểm của 2 môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức phải đạt điểm sàn theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ngoài ra phải đạt: hoặc Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. Nội dung thi Năng khiếu TDTT: Kiểm tra thể hình: Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật; Chiều cao: nam từ 1,65m; nữ từ 1,55m trở lên. Nếu chiều cao thiếu 1,0 cm trở lên thì bị loại. Bật xa tại chỗ (thành tích tính bằng centimet), chấm theo thang điểm 10. Chạy 60m (thành tích tính bằng giây), chấm theo thang điểm 10.

- Năm 2023: Với việc mở thêm mã ngành Huấn luyện thể thao, Nhà trường giảm tiêu chuẩn về chiều cao để tạo thêm cơ hội cho thí sinh. Nội dung thi Năng khiếu TDTT: Kiểm tra thể hình: Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật; Chiều cao: nam từ 1,62m; nữ từ 1,52m trở lên (thí sinh có chiều cao không đạt theo quy định thì bị loại) Bật xa tại chỗ (thành tích tính bằng centimet), chấm theo thang điểm 10. Chạy 100m (thành tích tính bằng giây), chấm theo thang điểm 10.

- Năm 2024: Từ thực tế, có nhiều thí sinh đam mê và có năng khiếu TDTT (nhất là vận động viên) nhưng không đảm bảo điều kiện về thể hình. Do đó, Nhà trường bổ sung thông tin về các trường hợp đặc biệt, có thành tích tốt về TDTT sẽ do Hội đồng xem xét và quyết định, nhằm thu hút thí sinh đăng ký ngành Huấn luyện thể thao. Kiểm tra thể hình: Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật; Chiều cao: nam từ 1,62m; nữ từ 1,52m trở lên (thí sinh có chiều cao không đạt theo quy định thì bị loại). Các trường hợp đặc biệt do Hội đồng tuyển sinh quyết định;

- Năm 2025: Bổ xét tuyển sớm (áp dụng với tất cả các phương thức tuyển sinh). Hủy bỏ điều kiện về năm tốt nghiệp THPT trong Ưu tiên xét tuyển: Các thí sinh có thành tích thể dục thể thao từ cấp toàn quốc trở lên trong vòng 4 năm tính đến thời điểm đăng ký tuyển sinh, được quyền ưu tiên xét tuyển. Trong nội dung kiểm tra thể hình, đối với ngành Huấn luyện thể thao, trường hợp thí sinh là vận động viên có thành tích tốt, không đảm bảo điều kiện về chiều cao (nam từ 1.62m và nữ từ 1.52m), sẽ do Hội đồng xem xét, quyết định. Căn cứ năng lực đào tạo các chuyên ngành đặc thù lớn, Nhà trường dự kiến tăng chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Thay môn GD&CD trong các tổ hợp xét tuyển bằng môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, đối với những thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025 vẫn áp dụng cho môn GD&CD. Bổ sung thêm tổ hợp xét tuyển, tạo cơ hội cho thí sinh đăng ký dự tuyển.

- Năm 2024: 1838

(Số liệu chi tiết được trình bày tại Bảng 2, 3, 6, Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo)

d) **Đánh giá kết quả về đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

Việc đổi mới các quy định trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường đổi mới mạnh mẽ, chuyển mạnh từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực; đánh giá kỹ năng riêng lẻ sang kỹ năng tổng hợp và đánh giá năng lực tư duy sáng tạo, khả năng làm việc nhóm, năng lực thực tiễn và thái độ của sinh viên. Nhà trường tập trung vào giải pháp chủ yếu chú trọng phát huy vai trò cấp ủy, tổ chức đảng, viên chức quản lý các cấp, thường xuyên sâu sát, nắm chắc tình hình để xác định nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp; phân công, giao nhiệm vụ cụ thể đến từng cá nhân, tổ chức. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc đổi mới phương thức đánh giá kết quả sinh viên; chú trọng xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến gắn với thực hiện Cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”; đổi mới đánh giá kết quả học tập đồng bộ với đổi mới nội dung, phương pháp dạy học phát triển năng lực sinh viên. Đồng thời chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ, phát huy vai trò đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục trong đổi mới đánh giá kết quả học tập...

(Số liệu chi tiết được trình bày tại Bảng 1, Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo)

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn các năm

+ Năm 2021: ĐHCQ 81.15%

+ Năm 2022: ĐHCQ 73.37%

+ Năm 2023: ĐHCQ 78.18%

+ Năm 2024: ĐHCQ 70.41%

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm các năm

+ Năm 2021: 70.30%

+ Năm 2022: 94.40%

+ Năm 2023: 95.61%

+ Năm 2024: 98.36%.

(Số liệu chi tiết được trình bày tại Bảng 5, Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo)

Đặc biệt từ năm 2020 đến nay có 15 sinh viên được tặng giải thưởng “Sao tháng Giêng”; 02 sinh viên đạt huy chương Vàng môn Thể dục nghệ thuật cấp quốc tế; hàng chục sinh viên đạt huy chương Vàng, bạc đồng tại Sea Games.... nhiều sinh viên được mời vào đội tuyển Việt Nam tham gia giải thể thao sinh viên Châu Á đạt thành tích xuất sắc.

1.2. Đánh giá so với chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược

- Tổng số mục tiêu đặt ra: 11

- Số mục tiêu đạt: 08 gồm:

+ Mở mã ngành đào tạo tiến sĩ ngành Giáo dục học.

+ Mở mã ngành giáo dục quốc phòng và an ninh.

+ Mở mã ngành khác theo nhu cầu xã hội.

+ Đào tạo giáo dục quốc phòng-an ninh 90.000 học sinh, sinh viên cho các trường đại học, học viện, cao đẳng khu vực Hà Nội.

+ Đào tạo từ 2.000 đến 2.500 học viên, sinh viên

+ 100% môn học lý thuyết có thể đào tạo trực tuyến.

+ Đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu cho các đơn vị, doanh nghiệp...

+ Đảm bảo đạt tỷ lệ 95% SV tốt nghiệp.

- Số mục tiêu chưa đạt: 03, gồm:

+ Mở trường phổ thông năng khiếu.

+ Đào tạo chuyên sâu Y học thể thao trình độ đại học.

+ Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn các năm (Đạt 75% , thiếu 5%)

2. Về thực hiện mục tiêu công tác khoa học công nghệ

2.1. Đánh giá kết quả đạt được

a) Công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ

Thực hiện mục tiêu chiến lược hoạt động khoa học công nghệ Nhà trường đã triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp: đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý và điều hành văn bản quản lý hoạt động khó học và công nghệ (KH&CN). Các văn bản của trường thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung 2 năm 1 lần đảm bảo phù hợp với các quy định của nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ. Trong giai đoạn 2020 – 2025, nhà trường đã ban hành 05 văn bản³. Bên cạnh đó Ban Giám hiệu đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển công tác KH&CN trong từng năm, xây dựng riêng Chương trình hành động về hoạt động KH&CN, đầu tư cho hoạt động KH&CN theo sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, nguồn lực và định hướng phát triển Nhà trường; Ban hành các văn bản để tổ chức và quản lý tốt, hiệu quả hoạt động KH&CN trong Trường như: Quy chế hoạt động KH&CN, Quy định về nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên,...; Xây dựng chính sách hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế; Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm thực hiện thành công đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hỗ trợ kinh phí cho các bài báo khoa học công bố quốc tế, đặc biệt là các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín, có chỉ số cao ISI/Scopus; Gắn kết quả NCKH với bình xét thi đua hàng năm...

Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, cá nhân trong nước với các đối tác nước ngoài; thu hút đầu tư nước ngoài thông qua các dự án nghiên cứu. Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học có nhiều cơ hội tiếp xúc, tham gia những hoạt động nghiên cứu, hội thảo ở các địa phương trong nước và các nước có nền khoa học, giáo dục phát triển; tham khảo một số mô hình trường đại học địa phương của một số nước trên thế giới; dành một khoản ngân sách riêng cho những giảng viên có kết quả nghiên cứu được công nhận...

Vì vậy đã giúp cho cán bộ, giảng viên có môi trường, động lực triển khai NCKH. Trong giai đoạn 2020-2025 Nhà trường đã tổ chức:

- 01 hội nghị khoa học quốc tế (“Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0” - năm 2021).

- 02 hội thảo khoa học quốc gia (Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, thể dục thể thao, đáp ứng chương trình phổ thông năm 2018”; “Đào tạo và quản lý Lưu học sinh Lào trong bối cảnh chuyển đổi số” năm 2024.

- 01 hội thảo cấp trường (“Nâng cao chất lượng đào tạo Lưu học sinh Lào tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội”- năm 2023).

- Thành lập Tạp chí Khoa học giáo dục thể chất và thể thao trường học, đến nay Tạp chí được Hội đồng Giáo sư nhà nước đưa vào danh mục tính điểm ở mức 0,5.

b) Kết quả hoạt động KH&CN của CBGV nhà trường

Hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên Nhà trường trở thành phong trào sâu rộng góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo của nhà trường; bên cạnh triển khai các đề tài, công trình NCKH, các giảng viên tích cực tổ chức các buổi seminar về chuyên môn, đề tài NCKH; thẳng thắn trao đổi, góp ý cho nhau về chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng các đề tài nghiên cứu nói riêng, công tác chuyên môn nói chung, vì vậy chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên càng ngày càng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ của trường được nghiệm thu trong 5 năm gồm:

- Đề tài cấp Bộ: 08

- Đề tài cấp cơ sở: 38

³ Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ của Trường; Quy định về biên soạn, lựa chọn duyệt và sử dụng giáo trình; quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên; Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có quy định các mức chi cho hoạt động khoa học và công nghệ; Quy định về chế độ làm việc của giảng viên...

Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách 115 trong đó:

- Số giáo trình triển khai: 18
- Số sách chuyên khảo: 05
- Số lượng cán bộ cơ hữu của cơ sở giáo dục có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình và kỷ yếu trong 5 năm: 100% (140)
- Số lượng bài báo khoa học trong nước và quốc tế của cán bộ cơ hữu đăng trong 5 năm: 629 bài, trong đó:

- (1) Bào báo khoa học quốc tế
 - + Tạp chí thuộc danh mục ISI: 1
 - + Tạp chí danh mục Scopus: 9
 - + Tạp chí quốc tế khác: 27
 - + Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế tổ chức ngoài trường: 3
 - + Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế tổ chức tại trường: 42
- (2) Bài báo khoa học trong nước
 - + Tạp chí khoa học trong nước: 304
 - + Tạp chí / bản tin khoa học của Trường: 168
 - + Kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước tổ chức ngoài trường: 48
 - + Kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước tổ chức tại trường: 27

(Số liệu chi tiết được trình bày tại Phụ lục 2 kèm theo Báo cáo)

c) Kết quả hoạt động KH&CN của sinh viên nhà trường

Hoạt động KH&CN của sinh viên nhà trường được đẩy mạnh theo triết lý “cùng nhau kiến tạo cơ hội” góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện. Phương thức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên được đổi mới, thay vì các thủ tục hành chính phức tạp trong việc giao đề tài cho sinh viên như những năm trước, nhà trường đã xây dựng quy chế xét thưởng công trình sinh viên nghiên cứu khoa học

Để đẩy mạnh hoạt động NCKH của sinh viên, hàng năm trường tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH và trao giải thưởng cho các sinh viên có thành tích xuất sắc, đồng thời lựa chọn và cử những công trình xuất sắc của sinh viên tham dự Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học toàn quốc khối các trường, khoa đào tạo giáo dục thể chất và TDDT. Đồng thời chỉ đạo các khoa, trung tâm tổ chức các cuộc hội thảo về phương pháp, kinh nghiệm học tập, nghiên cứu đề tài, viết chuyên đề, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp; nghiên cứu trao đổi nội dung các chuyên đề cơ bản... nhằm chia sẻ các kết quả NCKH, tạo diễn đàn trao đổi học thuật giữa sinh viên với giảng viên Học viện và các chuyên gia, giúp sinh viên trang bị kiến thức, kỹ năng NCKH hỗ trợ cho hoạt động học tập.

Kết quả từ năm 2020 đến 2024 có 63 đề tài NCKH cấp trường của sinh viên (bao gồm đề tài khóa luận và đề tài sinh viên NCKH) đã được triển khai thực hiện. Trong đó:

- Năm 2020: 11 đề tài
- Năm 2022: 16 đề tài
- Năm 2023: 19 đề tài
- Năm 2024: 17 đề tài

Có 8 đề tài tham gia Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học toàn quốc khối các trường TDDT. Trong đó

- Năm 2021: do dịch tình hình Covid 19 Nhà trường không tổ chức Hội nghị
- Năm 2022: 03 đề tài đoạt giải (nhất, nhì, ba)
- Năm 2023: 02 đề tài đoạt giải (01 nhất, 01 ba)
- Năm 2024: 02 đề tài đoạt giải (01 nhất, 01 nhì)

So với giai đoạn 2015-2020, hoạt động NCKH được đông đảo sinh viên các khóa tham gia nghiên cứu và gửi báo cáo tham gia Hội nghị sinh viên NCKH. Các báo cáo tham gia Hội nghị có ứng dụng cao trong thực tiễn. Trong giai đoạn 2020-2025 có 8 đề tài tham

gia Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học toàn quốc khối các trường TĐTT thì có 7 đề tài đạt giải, được hội đồng khoa học đánh giá rất cao.

2.2. Đánh giá so với chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược

a) Tổng số mục tiêu đặt ra: 10

b) Số mục tiêu đạt 08 gồm:

+ 100 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí (Vượt chỉ tiêu với tổng số 629 bài).

+ Thành lập Tạp chí khoa học GDTC&TTTH.

+ Tổ chức 01 hội nghị khoa học quốc tế.

+ Triển khai 08 đến 10 đề tài cấp Bộ.

+ Có 15 đến 20 bài báo khoa học quốc tế.

+ 06 đến 10 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đoạt giải toàn quốc khối các trường TĐTT.

+ Triển khai đảm bảo từ 80 đến 95% giáo trình.

+ Mỗi năm công bố 1 đến 2 cuốn sách chuyên khảo.

c) Số mục tiêu chưa đạt 02, gồm:

+ Triển khai 50 đến 60 đề tài cấp cơ sở (mới đạt 38 đề tài, thiếu 12 đề tài)

+ Sản phẩm khoa học đăng ký sở hữu trí tuệ và các nghiên cứu có giá trị

3. Về thực hiện mục tiêu công tác hợp tác quốc tế

3.1. Đánh giá kết quả đạt được

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, để phát triển hợp tác quốc tế về đào tạo, khoa học - công nghệ, Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai xây dựng chính sách ngoại giao, thiết lập được nhiều hình thức hợp tác đa dạng, phong phú với các chương trình, dự án hợp tác đào tạo, hợp tác nghiên cứu khoa học, hợp tác song phương và đa phương... khai thác các cơ hội, tranh thủ sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế, cập nhật các tiến bộ khoa học công nghệ thông qua các chương trình nghiên cứu chung, liên kết với các đối tác nước ngoài để từng bước chuẩn hóa các chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy, nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc tế nhằm tiến tới quốc tế hóa các chương trình, giáo trình giảng dạy.

Trong giai đoạn 2020 - 2025 đã xây dựng được mối liên kết thường xuyên với các trường thuộc khối TĐTT các nước để trao đổi chuyên gia sang giảng dạy. Đặc biệt từ năm 2018 đến nay, nhà trường đã ký biên bản ghi nhớ hợp tác toàn diện với 06 cơ sở giáo dục ngoài nước trong đó có hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; ký các văn bản thỏa thuận với nước ngoài: trình tự, thủ tục, hồ sơ, danh mục các văn bản, thỏa thuận với nước ngoài như:

- Dự án Đối tác Giáo dục Anh-Trung Quốc-BRI (Việt Nam/Indonesia) (2020).

- Hiệp định Hợp tác - Học viện TĐTT Vũ Hán, Trung Quốc (2018 - 2023).

- Hiệp định Hợp tác - Cao đẳng TĐTT Quảng Tây, Trung Quốc (2018, 2022).

- Tổ chức hội thảo quốc tế “Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0” (10/2021).

- Tổ chức chương trình Tọa đàm về công tác đào tạo Lưu học sinh Lào ngành TĐTT (4/2022).

- Ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với Chủ tịch Tập đoàn Mentally Fit Vương Quốc Bỉ Alain Goudsmet (4/2025).

- Ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với Trường Đại học Meiho, (Đài Loan)

- Tiếp tục đào tạo cho lưu học sinh Lào ở các trình độ đại học, thạc sĩ.

Bên cạnh đó để thực hiện chương trình trao đổi sinh viên với cơ sở giáo dục nước ngoài, Trường tổ chức các đoàn VĐV sinh viên thi đấu.

3.2. Đánh giá so với chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược

a) Tổng số mục tiêu đặt ra: 06

b) Số mục tiêu đạt 06 gồm:

- Đào tạo lưu học sinh: 15 đến 20.
- Bồi dưỡng: 30 đến 40 học viên.
- Tổ chức từ 2 đến 3 đoàn giao lưu và thi đấu TDTT ngoài nước.
- Cử 2 đến 3 người đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngoài nước.
- Cử 3 đến 5 đoàn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
- Ký kết từ 5 đến 8 đối tác về đào tạo, bồi dưỡng, liên kết đào tạo.

c) **Số mục tiêu chưa đạt: Không**

4. Về thực hiện mục tiêu công tác đảm bảo chất lượng

4.1. Đánh giá kết quả triển khai

a) *Công tác xây dựng hệ thống văn bản quản lý và mô hình ĐBCL bên trong*

Nhà trường xác định công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) là một quá trình liên tục để đánh giá (đánh giá, kiểm soát, đảm bảo, duy trì và cải thiện) chất lượng của Trường và các chương trình đào tạo. Đảm bảo chất lượng bao gồm tất cả các chính sách, quy trình, hành động thông qua đó chất lượng được đo lường, duy trì và phát triển, vì vậy đã xây dựng hệ thống văn bản quản lý nội bộ một cách đồng bộ, đầy đủ, theo đúng quy định, làm công cụ để tổ chức quản lý hiệu quả mọi hoạt động của Trường; hình thành hệ thống ĐBCL bên trong⁴: Hội đồng ĐBCL và tham gia mạng lưới ĐBCL là tổ ĐBCL ở các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động, các tổ ĐBCL thực hiện các nhiệm vụ theo Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường, nhà trường đã thiết lập được hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của Nhà trường (**Chi tiết tại phụ lục 3, kèm theo Báo cáo**). Đồng thời phòng ĐBCL-TT&PC đã tham mưu triển khai và thực hiện các hoạt động ĐBCL bên trong của Trường đảm bảo đúng theo quy định theo chuẩn các cơ sở giáo dục⁵.

b) *Công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan và cải tiến chất lượng*

Hàng năm các đơn vị chức năng đã phối hợp thực hiện tốt công tác lấy ý kiến phản hồi, như Phòng Đảm bảo chất lượng-Thanh tra và Pháp chế làm đầu mối thu thập lấy ý kiến phản hồi về việc dạy học, phục vụ, hỗ trợ đào tạo, dịch vụ công, chương trình đào tạo trước khi sinh viên tốt nghiệp; Phòng Tổ chức cán bộ: chủ trì triển khai các hoạt động ĐBCL liên quan đến công tác lãnh đạo, quản lý, bồi dưỡng, chế độ, chính sách; hoạt động quản lý nguồn nhân lực trong Nhà trường; Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế, Khoa đào tạo Sau đại học: chủ trì triển khai các hoạt động ĐBCL liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu khoa học trong Nhà trường, các hoạt động ĐBCL rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo liên quan đến sinh viên sau khi tốt nghiệp, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, nhà khoa học,... để khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu của xã hội đối với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo; Phòng Kế hoạch - Tài chính: chủ trì triển khai các hoạt động ĐBCL liên quan đến kế hoạch và tài chính; Phòng Quản trị thiết bị: chủ trì triển khai các hoạt động ĐBCL liên quan đến lĩnh vực cơ sở vật chất, trang thiết bị; Phòng Hành Chính Tổng hợp: chủ trì triển khai các hoạt động ĐBCL liên quan đến công tác phục vụ cộng đồng...

c) *Công tác kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo*

- Về kiểm định cơ sở giáo dục (CSGD): Năm 2020 nhà trường triển khai công tác đánh giá ngoài (tháng 6/2020) và được Trung tâm kiểm định chất lượng Giáo dục– Đại học

⁴ Quyết định số 703/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội nhiệm kỳ 2020 – 2025; Quyết định số 704/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 08/12/2020 về việc cử cán bộ tham gia công tác Đảm bảo chất lượng tại các đơn vị trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội;

⁵ Bao gồm: (1) Xây dựng và trình Hiệu trưởng ký ban hành các văn bản quy chế, quy định về công tác đảm bảo chất lượng; Sổ tay Đảm bảo chất lượng <https://hupes.edu.vn/so-tay-dam-bao-chat-luong.html>; kế hoạch ĐBCL hàng năm để triển khai thực hiện công tác ĐBCL. (2) Hướng dẫn và đôn đốc việc thực hiện công tác ĐBCL của các đơn vị; làm đầu mối thông tin, phối hợp hoạt động thống nhất trong công tác ĐBCL; (3) Hướng dẫn thực hiện các công việc liên quan đến ĐBCL Trường và CTĐT; đề xuất và theo dõi thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục; (4) Tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác ĐBCL cho cán bộ, viên chức Trường; (5) Phối hợp các đơn vị thực hiện việc quản lý các thông tin minh chứng phục vụ cho công tác kiểm định CSGD và CTĐT; (6) Phối hợp các đơn vị trong nhà trường tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan để nâng cao, cải tiến chất lượng đào tạo; (7) Thống kê và báo cáo kết quả công tác ĐBCL theo yêu cầu của Trường.

Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận⁶. Thực hiện các khuyến nghị của Hội đồng đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng giáo dục và khắc phục những tồn tại và tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường xây dựng kế hoạch⁷ số 18/KH-ĐHSPTDTH HN ngày 08/01/2021 để cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục giai đoạn 2021 - 2023 đối với 25 tiêu chuẩn nhằm cải tiến chất lượng và hiệu quả. Năm 2023 Nhà trường đã có báo cáo⁸ kết quả cải tiến chất lượng và hiệu quả sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục giai đoạn 2021 - 2023 theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nghị quyết số 43/HĐKĐCL ngày 15/7/2020 của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục – trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Về kiểm định chương trình đào tạo (CTĐT): Năm 2022 nhà trường đã triển khai tự đánh giá 02 chương trình đào tạo⁹ trình độ Đại học ngành Giáo dục thể chất và trình độ đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục học. Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách; sau khi thành lập Hội đồng đã giao cho Ban thư ký xây dựng Kế hoạch để thực hiện việc tự đánh giá theo đúng kế hoạch đề ra. Tuy nhiên vì một số lý do tập trung một số việc quan trọng Nhà trường đã tạm dừng công tác tự đánh giá 02 CTĐT GDTC và GDH. Năm 2024, để triển khai thực hiện hoạt động TĐG chất lượng CTĐT ngành GDTC và ngành GDH. Hiện Hội đồng tự đánh giá¹⁰ đang triển khai kế hoạch¹¹ TĐG, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và nhiệm vụ của mỗi nhóm công tác chuyên trách. Các thành viên nhóm công tác tiến hành hoàn thiện báo cáo tự đánh giá; thu thập thông tin và minh chứng, kiểm tra độ tin cậy, tính xác thực, mức độ phù hợp và liên quan đến tiêu chí. Đồng thời ban hành kế hoạch¹² phổ biến rộng rãi chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, viên chức, sĩ quan, người lao động và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT ngành GDTC và các đơn vị liên quan trong trường.

d) Công tác cử cán bộ viên chức tham gia học tập bồi dưỡng nghiệp vụ ĐBCL

Nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng đội ngũ, Nhà trường đã quyết định¹³ cử viên chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng theo hình thức trực tiếp và trực tuyến do Viện Đảm bảo chất lượng - Đại học Quốc gia Hà Nội và Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo mở. Có 31 viên chức đã được tham gia bồi dưỡng bảo đảm chất lượng giáo dục và 04 viên chức được cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ kiểm định viên; 04 viên chức được cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn bồi dưỡng về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục.

4.2. Đánh giá so với chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược

a) Tổng số mục tiêu đặt ra: 02

b) Số mục tiêu đạt 01 gồm:

- Hoàn thiện các quy trình kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài.

6. Quyết định số 204/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2020 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Kế hoạch số 18/KH-ĐHSPTDTH HN ngày 08/01/2021 để cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục giai đoạn 2021 - 2023 đối với 25 tiêu chuẩn.

⁸ Báo cáo số 232/BC-ĐHSPTDTHN ngày 21/4/2023 kết quả cải tiến chất lượng và hiệu quả sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục giai đoạn 2021 - 2023.

⁹ Quyết định số 108/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 28/3/2022 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách; Kế hoạch số 174/KH-ĐHSPTDTHN ngày 18/4/2022 để thực hiện việc tự đánh giá

¹⁰ Quyết định số 313/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 02/5/2024 v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo GDTC; Quyết định số 314/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 02/5/2024 v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá ban thư ký, các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo GDH;

¹¹ Kế hoạch số 256/KH-ĐHSPTDTHN ngày 10/5/2024 tự đánh giá chương trình đào tạo GDTC; Kế hoạch số 255/KH-ĐHSPTDTHN ngày 10/5/2024 tự đánh giá chương trình đào tạo GDH;

¹² Kế hoạch số 316/KH-ĐHSPTDTHN ngày 07/6/2024 phổ biến, tập huấn tự đánh giá chương trình đào tạo ngành GDTC và GDH

¹³ Quyết định 272/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 16/5/2022 cử 04 viên chức tham gia; Quyết định 783/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 14/12/2022 cử 08 viên chức tham gia tập huấn nâng cao năng lực bề DB và KĐCLGD; QĐ số QĐ-ĐHSPTDTHN ngày /6/2023 cử 01 viên chức tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên; QĐ số 858/ QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 25/9/2023 cử 02 viên chức tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên; Quyết định 891/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 08/10/2024 cử 01 viên chức tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên; Quyết định 1115/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 25/11/2024 cử 23 viên chức tham gia tập huấn công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục cho các cơ sở giáo dục ĐH, CĐ sư phạm;

- Cử đi học tập, bồi dưỡng cấp chứng chỉ kiểm định viên.

c) Số mục tiêu chưa đạt 01, gồm:

-02 chương trình đào tạo chưa được kiểm định đánh giá ngoài.

5. Về thực hiện mục tiêu công tác tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ

5.1. Đánh giá kết quả triển khai

a) Về công tác tổ chức bộ máy

Trong giai đoạn 2020-2025, Đảng ủy đã thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy để nâng cao hiệu quả quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, ít tầng cấp, ít đầu mối, giảm trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, thường xuyên thực hiện rà soát, tổ chức lại đơn vị có chức năng, nhiệm vụ trùng lặp. Để thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, Hội đồng trường ban hành quy định cụ thể về quyền hạn và trách nhiệm của từng đơn vị trong trường, bảo đảm “một đơn vị thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính; khắc phục triệt để chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ”. Xác định đúng chức năng, nhiệm vụ là cơ sở, điều kiện để xác định đúng cơ cấu tổ chức, số lượng viên chức, người lao động qua đó phát huy nguồn lực và chi phí hoạt động, từ đó bảo đảm hiệu năng, hiệu quả hoạt động, nguồn lực sẽ được phân bổ tối ưu, chính sách sẽ được triển khai đồng bộ và đạt hiệu quả thực chất hơn. Hiện cơ cấu tổ chức của Trường gồm:

+ Hội đồng trường: 15 thành viên

+ Hiệu trưởng: 01 người

+ Phó Hiệu trưởng: 02 người

+ Các đơn vị thuộc, trực thuộc trường: 19 đơn vị¹⁴, ngoài ra còn có các Bộ môn là đơn vị chuyên môn thuộc các khoa, trung tâm trong trường. Trên cơ sở đề nghị của Trường đơn vị, đề xuất của Hiệu trưởng và chấp thuận của Hội đồng trường, Hội đồng trường quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách các bộ môn và quyết định cụ thể về tổ chức và hoạt động của bộ môn.

b) Về công tác nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, sĩ quan, người lao động

Trong giai đoạn 2020-2025, nhà trường cử đi đào tạo bồi dưỡng và viên chức, sĩ quan, người lao động: 10 tiến sĩ, 01 thạc sĩ, cao cấp lý luận chính trị 11, trung cấp lý luận chính trị 29; đào tạo ngắn hạn 06; tập huấn, chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo 439 lượt. Đến nay tổng số viên chức, sĩ quan, người lao động gồm 208 người (Trong đó 172 viên chức, 36 hợp đồng lao động, 15 sĩ quan biệt phái đảm nhiệm giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh và khoa Giáo dục Quốc phòng và An ninh. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng vị trí việc làm, số lượng cán bộ quản lý, giảng viên có học hàm học vị cơ bản giữ ổn định. Năm 2025 có 04 phó giáo sư, 25 tiến sĩ, 112 thạc sĩ, 45 đại học và 10 trung cấp và 12 trình độ khác. Về cơ cấu chức danh nghề nghiệp, hiện nay đối với giảng viên chính là 57 chiếm tỉ lệ 41,01%, giảng viên cao cấp là 04 chiếm tỉ lệ 2,88%.

So với mục tiêu đặt ra trong Chiến lược 2020-2025 đã đạt được: chỉ tiêu về tỉ lệ giảng viên/sinh viên theo quy định, hiện nay tỉ lệ giảng viên/sinh viên khối ngành 1 là 7,22 và tỉ lệ giảng viên/sinh viên khối ngành 7 là 1,06. Đối với tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 19,5% chưa đạt so với chỉ tiêu đặt ra là 25%, nguyên nhân do một số giảng viên có trình độ tiến sĩ chuyển công tác theo hoàn cảnh gia đình. Bên cạnh đó do ảnh hưởng của dịch Covid 19 một số giảng viên được cử đào tạo tiến sĩ không hoàn thành khóa học; Cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ 10 người; cử đi đào tạo thạc sĩ 09 người; cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị 10 người; cử đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ từ 439 lượt người”.

(Số liệu chi tiết được trình bày tại bảng 2, Phụ lục 4 kèm theo Báo cáo)

- Chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài với các chính sách thu hút giảng viên, cán bộ có năng lực từ các nguồn ngoài trường, trong giai đoạn 2020-2025. Năm 2020, nhà trường

¹⁴ Kế hoạch số 316/KH-ĐHSPTDTHN ngày 07/6/2024phổ biến, tập huấn tự đánh giá chương trình đào tạo ngành GDTC và GDH

xây dựng kế hoạch số 225/KH-ĐHSPTDTHN ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc thu hút viên chức có trình độ chuyên môn cao và tuyển dụng hợp đồng lao động năm 2020. Kết quả nhà trường thu hút 02 chuyên gia có học hàm phó Giáo sư, tiến sĩ về công tác tại nhà trường. Ngoài ra chú trọng xây dựng môi trường đoàn kết, trong đó tập trung học thuật nhằm phát huy năng lực các chuyên gia về trường công tác.

- Chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học như: Hỗ trợ mỗi đề tài cấp cơ sở 3 triệu đồng, khuyến khích đăng bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế cụ thể: Hỗ trợ nhóm tác giả có bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus là 10.000.000 đồng/bài... Việc khuyến khích viên chức, sĩ quan, người lao động nhà trường tham gia nghiên cứu khoa học tạo điều kiện chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên qua việc tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng vị trí việc làm. Đối với cán bộ quản lý trước khi được bổ nhiệm đã được cử đi đào tạo nghiệp vụ quản lý, lớp bồi dưỡng chính trị, các lớp chứng chỉ khoa, phòng, ban. Điều đó tạo điều kiện nâng cao hiệu quả quản lý của các phòng, khoa, trung tâm của nhà trường hiện nay. Đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ công tác đào tạo, nhà trường thường xuyên cử đi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp đảm bảo vị trí việc làm.

Đến nay tổng số viên chức, sĩ quan, người lao động gồm 208 người (Trong đó 172 viên chức, 36 hợp đồng lao động, 15 sĩ quan biệt phái đảm nhiệm giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh và khoa Giáo dục Quốc phòng và An ninh. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng vị trí việc làm, số lượng cán bộ quản lý, giảng viên có học hàm học vị cơ bản giữ ổn định. Năm 2025 có 04 phó giáo sư, 23 tiến sĩ, 112 thạc sĩ, 45 đại học và 10 trung cấp và 12 trình độ khác. Về cơ cấu chức danh nghề nghiệp, hiện nay đối với giảng viên chính là 57 chiếm tỉ lệ 41,01%, giảng viên cao cấp là 04 chiếm tỉ lệ 2,88%.

So với mục tiêu đặt ra trong Chiến lược 2020-2025 đã đạt được: chỉ tiêu về tỉ lệ giảng viên/sinh viên theo quy định, hiện nay tỉ lệ giảng viên/sinh viên khối ngành 1 là 7,22 và tỉ lệ giảng viên/sinh viên khối ngành 7 là 1,06. Đối với tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 17,5% giảm so với chỉ tiêu đạt 25%, nguyên nhân do một số giảng viên có trình độ tiến sĩ chuyển công tác theo hoàn cảnh gia đình. Bên cạnh đó do ảnh hưởng của dịch Covid 19 một số giảng viên được cử đào tạo tiến sĩ không hoàn thành khóa học; chỉ tiêu cử đi đào tạo, bồi dưỡng: Cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ 09 người; cử đi đào tạo thạc sĩ từ 09 người; cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị 10 người; cử đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ từ 439 lượt người.

(Số liệu chi tiết được trình bày Phụ lục 4 kèm theo Báo cáo)

5.2. Đánh giá so với chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược

a) Tổng số mục tiêu đặt ra: 06

b) Số mục tiêu đạt 05 gồm:

- Tỷ lệ giảng viên/sinh viên đạt đối với khối ngành khối ngành 1 là 7,22 và tỉ lệ giảng viên/sinh viên khối ngành 7 là 1,06 (Đạt vượt chỉ tiêu đặt ra, chỉ tiêu đặt ra là 1/10 đến 15).

- 100% giảng viên đạt chuẩn chức danh, đạt mục tiêu đề ra

- 100% viên chức quản lý đạt chuẩn theo vị trí việc làm (Đạt vượt mức, chỉ tiêu đặt ra 90%)

- Cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ 10 người: (đạt so với chỉ tiêu đề ra, chỉ tiêu đề ra từ 10 đến 15 người);

- Cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ 05 đến 10 người (cử đi đào tạo thạc sĩ 09 người);

- Cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị: 10 người (Vượt chỉ tiêu đặt ra, chỉ tiêu đặt ra là cử 03 đến 05 người)

- Cử đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 439 lượt người (Vượt chỉ tiêu đề ra, chỉ tiêu đề ra từ 300 đến 350 lượt).

- Đã ban hành đề án vị trí việc làm.
- c) Số mục tiêu chưa đạt 01, gồm:
 - Giảng viên có học vị tiến sĩ 19,5 (Chưa đạt được so với chỉ tiêu đề ra, (chỉ tiêu đề ra đạt tỷ lệ 25%).

6. Về thực hiện mục tiêu công tác nguồn lực tài chính

6.1. Đánh giá kết quả triển khai

Xác định công tác quản lý tài chính trong trường đại học là một phần quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả của cơ sở giáo dục. Đảng ủy, hội đồng trường, Ban Giám hiệu đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các biện pháp quản lý tài chính hiệu quả để đảm bảo sử dụng nguồn lực một cách tối ưu. Mặc dù Nhà trường là cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có nguồn thu chủ yếu từ ngân sách nhà nước cấp, tuy vậy với tinh thần chủ động trong việc huy động nguồn lực xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển; giai đoạn 2020-2025, Trường đã đổi mới chính sách cơ chế, tài chính, thực hiện huy động nguồn lực, tận dụng các cơ sở vật chất dồi dào để xây dựng đề án trình Bộ cho phép triển khai có nguồn thu đảm bảo đúng quy định và phục vụ lại cho công tác đào tạo của Trường.

Nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực cho phát triển giáo dục đào tạo, Nhà trường đã tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản, chính sách liên quan đến xã hội hóa giáo dục, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thuận lợi để khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục đào tạo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp... Tiếp tục tìm kiếm sự hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân nhằm hỗ trợ đầu tư cho công tác giáo dục, đào tạo, đến nay đã thực hiện một số công trình xã hội hóa được đưa vào sử dụng có hiệu quả cao như: công trình đài phun nước; đường đi nội bộ; hệ thống cây xanh trong khuôn viên Nhà trường... đem lại diện mạo mới cho Nhà trường thêm khang trang, hiện đại.

Rà soát, xác định kinh phí thực hiện theo quy định, bảo đảm tiết kiệm, không thất thoát, lãng phí; xác định rõ nhu cầu vốn, cơ cấu vốn, nguyên tắc đầu tư, tiến độ đầu tư để phân kỳ cho phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn.

Định kỳ kiểm toán được Nhà trường thực hiện đúng với quy định. Căn cứ các văn bản quy định của nhà nước về tự chủ đối với cơ sở giáo dục đại học, Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản để tổ chức triển khai¹⁵. Cơ chế quản lý tài chính của Trường được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và theo thực tế phát sinh¹⁶. Công tác tự kiểm tra tài chính được Nhà trường thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước¹⁷; kiểm toán nội bộ Nhà trường chưa đủ điều kiện thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, tuy nhiên, từ năm 2019 Trường đã chủ động ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính với Công ty TNHH kiểm toán Châu Á¹⁸.

Cơ chế tài chính có nhiều đổi mới, góp phần tạo hành lang thông thoáng, chủ động cho hoạt động đào tạo, nhất là việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được Nhà trường đặc biệt quan tâm, đến nay các công trình, hạng mục phòng học, thư viện, thiết bị dạy học¹⁹ của Nhà trường đảm cơ bản đáp ứng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo.

15. Quyết định số 253/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 29/06/2020 thành lập Hội đồng sửa đổi Quy chế chỉ tiêu nội bộ năm học 2020-2021; Quyết định số 440/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 17/9/2020 về việc ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Nghị quyết số 44/NQ-HĐT ngày 14/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tài chính của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Kế hoạch chỉnh sửa QCCTNB năm 2021 số 120 ngày 01/04/2021.

16. Quy chế chỉ tiêu nội bộ Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội theo QĐ số 440/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 17/9/2020; Quy chế tài chính Trường Đại học Sư phạm TDTT HN theo Nghị định số 44/NQ-HĐT ngày 14/10/2021.

17. Quyết định số 253/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 20/4/2021 về việc thành lập tổ tự kiểm tra tài chính năm 2020. Biên bản làm việc của tổ tự kiểm tra tài chính năm 2020 ngày 22/04/2021. Quyết định số 252/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 28/4/2022 về việc thành lập tổ tự kiểm tra tài chính năm 2021.

18. Báo cáo kiểm toán theo niên độ tài chính đến ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH kiểm toán Châu Á ngày 27/4/2021. Báo cáo kiểm toán theo niên độ tài chính đến ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH kiểm toán Châu Á ngày 20/6/2022.

19. Quyết định số 805/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 26/11/2019 ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quyết định số 283/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 28/05/2021 ban hành Quy trình đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mua sắm CSVC thường xuyên tại Trường; Quyết định số 208/QĐ-

(Số liệu chi tiết được trình bày tại Phụ lục 5 kèm theo Báo cáo)

6.2. Kết quả so với chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược

a) Tổng số mục tiêu đặt ra: 02

b) Số mục tiêu đạt: 02 gồm:

- Thực hiện lộ trình tự chủ của nhà trường theo quy định của Nhà nước đến năm 2025 tự chủ tài chính 40%. (Hiện tự chủ 41%, vượt 01%).

- Đảm bảo nguồn thu ngoài ngân sách từ 5,0 đến 7,0 tỷ/5 năm (vượt mức)

c) Số mục tiêu chưa đạt: Không

7. Về mục tiêu cơ sở vật chất

7.1. Đánh giá kết quả triển khai

a) Về công tác quản lý

Được Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc đầu tư, đổi mới cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường. Trong đó tăng cường công tác quản lý sử dụng tài sản công đảm bảo theo đúng Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật; việc phân cấp thẩm quyền quyết định từ khâu mua sắm, đến xử lý tài sản (xác lập quyền sở hữu toàn dân, điều chuyển, bán, thanh lý...) đảm bảo tính tập trung, thống nhất; phù hợp với trình độ, năng lực quản lý của các đơn vị. Quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị trong việc mua sắm, xử lý tài sản công, được phân định rõ ràng, dễ áp dụng, góp phần sử dụng tài sản công hiệu quả, tránh lãng phí. Các đơn vị đã chấp hành đúng các quy định về tiêu chuẩn định mức, về trình tự, thủ tục mua sắm và xử lý tài sản công. Kinh phí mua sắm tài sản phổ biến tại đơn vị được bố trí trong định mức chi thường xuyên; do đó các đơn vị đã được chủ động trong việc mua sắm. Phòng Quản trị - Thiết bị đã tham mưu BGH đã thực hiện ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản; góp phần vào quản lý, sử dụng tài sản chặt chẽ, minh bạch tránh thất thoát. Việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, kinh doanh phù hợp với quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; sử dụng hiệu quả công suất của tài sản, được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án, góp phần tăng hiệu quả sử dụng tài sản công tại các Nhà trường. Đặc biệt đã triển khai áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài sản công, trang bị phần mềm quản lý; từ đó tài sản được theo dõi tập trung, thống nhất; giúp cho công tác quản lý được chặt chẽ, công tác điều hành được sát với nhu cầu thực tế và kịp thời.

Các thủ tục hành chính về tài sản công đã được Nhà trường công bố công khai, giải quyết tại Trung tâm hành chính công; góp phần vào quản lý, sử dụng tài sản công kịp thời, chặt chẽ, công khai, minh bạch.

b) Về công tác đầu tư

Về huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phát triển giáo dục. Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục; tranh thủ, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn Nhà nước, kết hợp với đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư bảo đảm cơ sở vật chất, trong giai đoạn 2020-2025 đã tiến hành đầu tư:

- Cải tạo, nâng cấp đường đi nội bộ (trục chính giai đoạn 2).

- Cải tạo nâng cấp nhà tập thể dục thành nhà đa năng.

- Cải tạo phòng 106 thành hội trường A.

- Cải tạo lại một số phòng có diện tích nhỏ thành phòng họp A, C...

- Cải tạo lại mặt sân quần vợt; sân bóng rổ, bóng chuyền; trang bị đầy đủ thiết bị phòng học, sân bãi dụng cụ theo quy mô đào tạo.

ĐHSPTDTHN ngày 29/3/2022 về việc phê duyệt quy trình tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dụng và tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giao dục, đào tạo; Quyết định số 312/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 08/6/2022 về việc Ban hành tiêu chuẩn, định mức thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực công nghệ thông tin của Trường; Quyết định số 533./QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 16/09/2022 về việc ban hành Quy trình điều chuyển, kiểm kê, thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ; Bộ Giáo dục và Đào tạo ủy quyền phê duyệt tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp tại Quyết định số 985/QĐ-ĐHSPTDTHN của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội; Quyết định số 348/QĐ-ĐHSPTDTHN, ngày 20/5/2024 về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Đề án khai thác tài sản công tại Quyết định số 295/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 1/02/2019

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước.
- Sửa chữa, nâng cấp ký túc xá sinh viên.
- Cải tạo cảnh quan, môi trường.
- Hoàn thành quy hoạch khu B (khu tập thể gia đình nội trú)...
- Đặc biệt được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Dự án chuyển đổi số trang bị: Trang thiết bị Hội trường A, Phòng họp trực tuyến (Phòng họp C); hệ thống máy chủ; hệ thống máy tính 02 phòng học, ngoại ngữ và phần mềm quản lý toàn bộ hệ thống của nhà trường.
- Ngoài ra mua sắm thêm máy móc thiết bị như máy vi tính, điều hoà nhiệt độ, máy chiếu với tổng giá trị hàng trăm triệu đồng.
- Hiện tại tiếp tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt triển khai Dự án xây dựng nhà thi đấu đa năng với mức đầu tư trên 40 tỷ.

7.2. Kết quả so với chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược

- a) Tổng số mục tiêu đặt ra: 07
- b) Số mục tiêu đạt: 07 gồm:
 - Có đầy đủ phòng học, sân bãi dụng cụ theo quy mô đào tạo.
 - Cải tạo, nâng cấp đường đi nội bộ (trục chính giai đoạn 2).
 - Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước.
 - Sửa chữa, nâng cấp ký túc xá sinh viên.
 - Cải tạo cảnh quan, môi trường.
 - Xây mới nhà tập; sửa chữa, trang bị nâng cấp sân tập, đầu tư cơ sở vật chất, dụng cụ phục vụ học tập.
 - Quy hoạch khu tập thể (khu B) cán bộ viên chức.
- c) Số mục tiêu chưa đạt: Không

8. Về thực hiện mục tiêu công tác kết nối và phục vụ cộng đồng

8.1. Đánh giá kết quả triển khai

a) Công tác quản lý hoạt động

Quán triệt và thực hiện Luật Giáo dục đại học về chức năng, nhiệm vụ đối với cơ sở giáo dục và tiếp thu ý kiến khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và hoạt động công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu đã rà soát chức năng nhiệm vụ và giao cho đơn vị đầu mối²⁰ là đơn vị có chức năng tham mưu giúp Ban Giám hiệu quản lý, về hoạt động công tác kết nối và phục vụ cộng đồng; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đơn vị đã xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản quản lý đảm bảo theo đúng quy định²¹; bám sát vào chiến lược phát triển Trường để ban hành kế hoạch hoạt động công tác kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2020-2025²² và cụ thể bằng kế hoạch ngắn hạn hằng năm; tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết. Đặc biệt trong giai đoạn 2020-2025 đã tiến hành 03 đợt khảo sát các bên liên quan nhằm cải tiến các hoạt động. Vì vậy hoạt động công tác kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện thường xuyên không chỉ đối với cộng đồng trong nhà trường và cộng đồng bên ngoài trường.

b) Kết quả công tác phối hợp triển khai

Do luôn được Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu xác định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng là một trong ba trụ cột quan trọng của một trường đại học, nhất là thường xuyên quán triệt, triển khai rộng rãi trong toàn thể viên chức, sĩ quan, người lao động và người học với nhiều nội dung, hình thức phong phú và đa dạng, tạo sự gắn kết giữa viên chức, sĩ quan, người lao động và người học, đồng thời tạo sự gắn kết giữa Nhà

20. Phòng Hành chính-Tổng hợp.

21. Quyết định số 236/QĐ-ĐHSPTDTHN, ngày 19/04/2021 về ban hành hệ thống đo lường kết quả tác động kết nối, phục vụ cộng đồng; Quyết định số 664/QĐ-ĐHSPTDTHN, ngày 30/12/2021 về ban hành quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐH SP TDTT Hà Nội

22. Kế hoạch số 657/KH-ĐHSPTDTHN, ngày 31/12/2020 về tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2020-2025

trường với cộng đồng, địa phương, chính vì vậy viên chức, sĩ quan, người lao động, người học phối hợp tốt, tích cực tham gia các hoạt động, kết quả ngoài việc thực hiện nhiệm vụ về chuyên môn nhà trường đã tăng cường kết nối với các công ty, doanh nghiệp và trung tâm nghiên cứu. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay Nhà trường đã phối hợp với nhiều trung tâm TDDT (Up Fitness&Yoga triển khai đào tạo huấn luyện viên Gym fitness tại trung tâm Up Fitness&Yoga)..... Tạo điều kiện cho sinh viên năm cuối, sinh viên các khóa năm thứ hai, thứ ba có cơ hội được học tập, trải nghiệm và rèn luyện kỹ năng hướng nghiệp phục vụ cho việc sau khi ra trường. Tổ chức các hoạt động: tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên, gặp gỡ giữa sinh viên với các nhà tuyển dụng, các trung tâm fitness, yoga, gym,... nhằm tạo điều kiện cho sinh viên làm thêm, thực hành nghề sau mỗi giờ học. Qua hoạt động, hàng trăm sinh viên đã được hỗ trợ, giới thiệu việc làm sau khi ra trường.

Đồng thời tổ chức các hoạt động tư vấn cho các cơ quan, đơn vị, đoàn thể về tập luyện TDDT, trung bình mỗi năm tổ chức từ 01-02 buổi tuyên truyền nâng cao sức khỏe cho cộng đồng thông qua tổ chức Ngày chạy được mở rộng quy mô trong khu vực huyện Chương Mỹ, thu hút hàng nghìn người đến từ: Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội; Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh; Trường THPT Trần Đại Nghĩa; Công ty Cổ phần ABS Việt Nam; Trung tâm SUMARU; Ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Tây tham gia. Bên cạnh đó đăng cai tổ chức hội thảo tháng hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó bạo lực trong lĩnh vực giáo dục; đăng cai các giải thi đấu TDDT trung bình từ 4-7 giải thi đấu mỗi năm; Tham gia 03 chương trình “Tâm vóc Việt” Đài truyền hình Việt Nam hướng dẫn cho cộng đồng lợi ích tác dụng tập luyện TDDT. Trao tặng hàng trăm đầu sách cho trường Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa phục vụ cho việc dạy và học. Kết nối với các Trung tâm TDDT trong việc đào tạo nguồn VĐV quốc gia; trong đợt cử đoàn đi thực hành, thực tập sự phạm tại các trường cơ sở, địa phương, giảng viên và sinh viên nhà trường đã tham gia cùng với cán bộ, giáo viên, học sinh và nhân dân địa phương trong hoạt động văn nghệ thể thao, gắn kết thêm tình cảm tốt đẹp giữa nhà trường và nơi sinh viên đến thực tập. ...đã tuyên truyền về hoạt động lĩnh vực ngành nghề, về tình yêu quê hương, đất nước và nâng cao giá trị truyền thống....

Đặc biệt trong giai đoạn thực hiện chiến lược, do phải đối diện với dịch Covid-19, nên thực hiện chung tay phòng chống Covid-19 Nhà trường đã dành toàn bộ khu ký túc xá nhà trường làm khu cách ly y tế tập trung; tổ chức các hoạt động quyên góp hàng trăm triệu đồng, cùng các trang thiết bị, khẩu trang cho tuyến đầu chống dịch. Ngoài ra Công đoàn Trường đã tổ chức nhiều hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện; tương trợ nhau trong công tác, giúp đỡ nhau khi khó khăn; tổ chức các đợt quyên góp trong viên chức, sĩ quan, người lao động, người học hỗ trợ 45 triệu đồng tới đồng bào miền Trung; 5 triệu đồng hỗ trợ chương trình “Xuân yêu thương” do Ủy Ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ thực hiện; 3 triệu cho học sinh Trường tiểu học xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ bị ung thư máu; trao 12 triệu đồng cho 3 nhà giáo, viên chức người lao động của Trường bị mắc bệnh hiểm nghèo, trao 11 triệu đồng cho 10 nhà giáo, viên chức người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thuộc Công đoàn Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội; trao 3 triệu đồng từ nguồn kinh phí Quỹ “Mái ấm công đoàn” cho 10 nhà giáo, viên chức người lao động của Nhà trường không may mắc bệnh hiểm nghèo và có hoàn cảnh khó khăn; trao 60 triệu đồng ủng hộ quỹ vacxin phòng chống Covid-19; Tổ chức hoạt động tri ân gia đình chính sách nhân ngày 27/7, trao hơn 30 suất quà; tổ chức 03 đợt “chung tay hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho nông dân Bắc Giang...Triển khai cuộc vận động quyên góp mỗi viên chức, người lao động ủng hộ 1 ngày lương cho chương trình “Máy tính cho em”....

8.2. Kết quả so với chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược

a) Tổng số mục tiêu đặt ra: 06

b) Số mục tiêu đạt 06 gồm:

- Ủng hộ, giúp đỡ các đối tượng đồng bào vùng sâu, vùng khó khăn: từ 500 đến 800 triệu đồng.
 - Chuyên giao KH&CN trong lĩnh vực TDTT từ 2 đến 3 sản phẩm cho cộng đồng.
 - Bảo tồn, phát huy giá trị cộng đồng thông qua các hoạt động phù hợp loại hình đào tạo của trường; Mở từ 4 đến 6 lớp đào tạo miễn phí cho trẻ em, các đối tượng chính sách.
 - Đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện và các hoạt động công cộng.
 - Tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT trong cộng đồng.
 - Tổ chức các loại hình hoạt động nhằm bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, giá trị văn hóa địa phương.
- c) Số mục tiêu chưa đạt: Không.

PHẦN THỨ BA

ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Kết quả chung

Sau 5 năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội giai đoạn 2020 - 2025, được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị Nhà trường, đã triển khai các chính sách của Chiến lược đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Chiến lược đã cụ thể hoá quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước, xác định mục tiêu, bước đi phù hợp, tạo những chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà trường, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng đào tạo; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện tốt việc đổi mới mục tiêu, chương trình, phương pháp dạy - học; tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ có uy tín về giáo dục thể chất, TDTT; đến năm 2030 trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo giáo dục thể chất, thể dục thể thao; giáo dục quốc phòng và an ninh; chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng..

Các mục tiêu chiến lược đảm bảo thực hiện đúng theo nội dung đề ra, trong đó có một số mục tiêu đạt vượt mức như:

- Chỉ tiêu về đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Giáo dục học
- Chỉ tiêu về đào tạo ngành giáo dục quốc phòng và an ninh
- Chỉ tiêu về đào tạo ngành Huấn luyện thể thao
- Chỉ tiêu về đào tạo song bằng (ngành Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh).
- Chỉ tiêu về đào tạo giáo dục quốc phòng-an ninh cho học sinh, sinh viên cho các trường đại học, học viện, cao đẳng khu vực Hà Nội.
- Chỉ tiêu về bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí: Vượt chỉ tiêu đề ra 629/100 bài.
- Chỉ tiêu về thành lập Tạp chí khoa học GDTC&TTTH, được Hội đồng Giáo sư Nhà nước đưa vào danh mục tính điểm ở mức 0,5.
- Chỉ tiêu về cử đi học tập, bồi dưỡng cấp chứng chỉ kiểm định viên.
- Chỉ tiêu về cử đi đào tạo cao cấp, trung cấp lý luận chính trị: vượt 31,2%
- Chỉ tiêu về tài chính, cơ sở vật chất: vượt 21,3%
- Chỉ tiêu về công tác hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.
- Quy mô, loại hình đào tạo tăng nhanh, chuyển từ trường đào tạo đơn ngành, sang đa ngành; Chương trình, nội dung, phương pháp dạy học từng bước được đổi mới theo hướng hiện đại, khoa học, sát với thực tế, yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; hoạt động

KH&CN, hợp tác quốc tế tiếp tục đi vào chiều sâu; nhiều tiến bộ kỹ thuật mới được chuyển giao, hỗ trợ cho công tác đào tạo; công tác đảm bảo chất lượng được thực hiện bài bản theo bộ tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục. Cơ cấu tổ chức bộ máy được quy hoạch theo hướng tinh, gọn, ổn định về tổ chức biên chế, nhiệm vụ. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tiếp tục được kiện toàn, cơ bản đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, bảo đảm chất lượng theo hướng chuẩn hóa. Tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, nhất là hệ thống thao trường, bãi tập tiếp tục được đầu tư nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

Đây là sự cụ thể hoá các quan điểm, đường lối của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu về phát triển giáo dục, đào tạo trong tình hình mới; có tác động tích cực tới việc nâng cao chất lượng tổ chức, hoạt động giáo dục và đổi mới quản lý giáo dục, tạo hành lang pháp lý căn bản cho việc đẩy mạnh đổi mới căn bản và toàn diện. Có thể khẳng định, kết quả đạt được trong 5 năm qua là cơ bản, to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng trong tình hình đổi mới giáo dục đại học, tạo bước đột phá căn bản và toàn diện.

2. Tồn tại và nguyên nhân

a) Đối với mục tiêu về công tác đào tạo

- Việc rà soát, bổ sung quy chế đào tạo còn bị chậm. Chưa tổ chức cho sinh viên đăng ký giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học toàn quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Phương pháp giảng dạy của một số giảng viên chưa sát với đối tượng, chưa kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương pháp dạy học truyền thống với hiện đại. Nguyên nhân: Một số giảng viên chưa thích ứng với phương pháp dạy học tích cực; chưa chủ động tự học tập, tự nghiên cứu v.v.

- Việc thực hiện mục tiêu mở trường phổ thông năng khiếu chưa hoàn thành; chưa hoàn thành chương trình đào tạo chuyên sâu về Y học thể thao. Nguyên nhân do thời điểm triển khai Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo và địa phương thực hiện rà soát quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bảo đảm phù hợp với thực tiễn (Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 31/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường điều kiện bảo đảm thực hiện hiệu quả, chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông).

b) Đối với mục tiêu về công tác bộ máy và đội ngũ

- Về tổ chức bộ máy: Mặc dù đã tiến hành kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, quản lý, viên chức, người lao động, tuy nhiên có những đơn vị còn có chồng chéo về nhiệm vụ cần tiếp tục có biện pháp tinh gọn bộ máy và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đáp ứng giai đoạn 2025-2030.

- Đội ngũ viên chức hành chính về cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp chưa có viên chức hạng II, cần bồi dưỡng, tổ chức cử đi xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu vị trí việc làm của Nhà trường.

- Tỷ lệ tiến sĩ chưa đạt so với chỉ tiêu đề ra, nguyên nhân do khách quan dịch bệnh Covid 19 một số giảng viên cử đi đào tạo tiến sĩ nước ngoài không hoàn thành khoa học.

c) Đối với công tác đảm bảo chất lượng

- Các đơn vị thực hiện việc cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài CSGD còn chậm. Nguyên nhân các đơn vị trong nhà trường chưa bám vào kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài CSGD để triển khai các hoạt động cải tiến.

- Chưa hoàn thành báo cáo tự đánh giá 2 CTĐT. Nguyên nhân các nhóm chuyên trách có nhiều giảng viên tham gia nhưng chưa được thường xuyên tập huấn bồi dưỡng các kỹ thuật thu thập, xử lý thông tin, minh chứng, chưa biết cách viết báo cáo tiêu chí. Sự phối hợp giữa các nhóm chuyên trách trong quá trình tự đánh giá, các buổi thảo luận chung giữa các nhóm chuyên trách với Hội đồng tự đánh giá về các báo cáo tiêu chí/tiêu chuẩn hiệu quả chưa cao như mong đợi và còn hạn chế về thời gian. Khi viết báo cáo tiêu chí, các nhóm chuyên trách không dựa trên minh chứng để viết nên không nói được nội hàm của MC, văn phong báo cáo tiêu chí không thống nhất (do nhiều người viết), nhiều chỗ trùng lặp và chưa đáp ứng yêu cầu của báo cáo tự đánh giá phục vụ mục đích cải tiến nâng cao

chất lượng và đăng ký kiểm định. Một số MC cốt lõi để mô tả chưa có (bản mô tả CTDH các phiên bản 2020, 2022, đề cương các học phần, biên bản nghiệm thu đề cương HP...) nên còn chưa hoàn thiện được Báo cáo TĐG 02 CTĐT theo kế hoạch đề ra.

- Số lượng viên chức quản lý các khoa chuyên môn trong nhà trường đi tập huấn về công tác kiểm định còn ít nên việc tiếp cận làm tự đánh giá CTĐT còn hạn chế. Nguyên nhân các khoa chưa chú trọng về công tác TĐG và phát triển chương trình chủ yếu quan tâm đến việc giảng dạy, điều hành khoa bộ môn nên còn hạn chế trong việc tham gia, học tập các lớp bồi dưỡng về KĐCL

- Việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan chưa hiệu quả, một số đơn vị thực hiện còn chậm theo quy định hoặc chưa triển khai hoạt động lấy ý kiến. Hầu hết các đơn vị còn chưa có kế hoạch cải tiến chất lượng sau khi lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để cải tiến, khắc phục những tồn tại. Nguyên nhân các đơn vị triển khai lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan còn làm lầy lệ chưa chất lượng nên hiệu quả còn chưa cao.

d) Đối với công tác NCKH

- Đề tài cấp cơ sở còn ít, chưa đạt so với chỉ tiêu đề ra (mới đạt 38 đề tài, thiếu 12 đề tài). Nguyên nhân do nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH Nhà trường hạn hẹp

- Chưa triển khai sản phẩm khoa học đăng ký sở hữu trí tuệ và các nghiên cứu có giá trị. Nguyên nhân do đơn vị chức năng chưa chủ động trong việc tham mưu thủ tục để triển khai.

e) Công tác tài chính và cơ sở vật chất, thiết bị

- Việc thu công nợ đối với người học chưa kịp thời. Nguyên nhân chưa có sự phối hợp giữa các đơn vị chức năng để đảm bảo triển khai

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường hiện vẫn còn một số bất cập. Do nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, việc đầu tư trang thiết bị gặp khó khăn, thiếu tính tập trung và còn dàn trải. Cơ sở vật chất được trang bị chưa đồng bộ, thiếu nhiều chủng loại cần thiết. Nhiều thiết bị đã được trang cấp từ nhiều năm trước nay đã xuống cấp, chất lượng kém. Một số thiết bị như máy chụp X-quang không thể sửa chữa do là hàng nhập khẩu và hiện không còn linh kiện thay thế. Bên cạnh đó, một số hạng mục phục vụ giảng dạy và sinh hoạt đã xuống cấp sau thời gian dài sử dụng như đường chạy sân điền kinh, các sân tập luyện. Khu ký túc xá sinh viên cũng chưa được nâng cấp toàn diện mà mới chỉ được cải tạo từng phần do ngân sách hàng năm bị cắt giảm.

g) Đối với mục tiêu về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng

- Sự phối hợp giữa các đơn vị (Khoa, đơn vị, ...) trong công tác xây dựng kế hoạch, báo cáo Kết nối phục vụ cộng đồng chưa thật sự chặt chẽ và đồng bộ.

- Đơn vị chức năng chưa tham mưu ban hành quy định, định mức công tác kết nối và phục vụ cộng đồng đối với GV. Nguyên nhân đây là mảng nhiệm vụ mới được quy định theo Luật giáo dục đại học, nên chưa cập nhập bổ sung.

3. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện

Việc thực hiện tự chủ đối với Nhà trường còn nhiều vướng mắc, do nguồn kinh phí của Trường còn hạn hẹp, chủ yếu để chi trả cho nhân sự, chi tăng cường điều kiện dạy và học chiếm tỷ trọng thấp, nên một số trang thiết bị, phương tiện dạy học xuống cấp, chưa sửa chữa, nâng cấp. Bên cạnh đó, tự chủ về quản lý tài sản công, quản lý đầu tư công và khai thác, sử dụng các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước còn chưa thuận lợi.

4. Một số bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, Nhà trường rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, muốn thực hiện thành công nhiệm vụ, mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo phải có sự quan tâm, đầu tư, chăm lo, chung tay, vào cuộc và đồng thuận của toàn xã hội, sự phối hợp, ủng hộ của các cấp, các ngành, các địa phương, các đoàn thể trong đó các cơ sở giáo dục phải nêu cao vai trò chủ động, sáng tạo và quyết tâm cao.

Thứ hai, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành là yếu tố quan trọng trong việc ổn định, giữ vững kỷ cương, nền nếp trường, lớp học và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Các cơ sở giáo dục cần tích cực và chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phải sát thực tế và mang tính khả thi, có trọng tâm, trọng điểm với những giải pháp cụ thể, có tính đột phá, sáng tạo; thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch để kịp thời có những giải pháp tháo gỡ, hoàn thành mục tiêu đề ra.

Thứ ba, đội ngũ là yếu tố then chốt quyết định chất lượng giáo dục; phải xây dựng được đội ngũ nhà giáo và CBQL đủ về số lượng, có năng lực và trình độ chuyên môn đạt chuẩn, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết và tận tụy với nghề. Đặc biệt, phải đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; người đứng đầu phải gương mẫu, thường xuyên học tập để nâng cao trình độ, năng lực và phẩm chất, có khả năng quy tụ và lãnh đạo tập thể hoàn thành nhiệm vụ.

Thứ tư, phải thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giữ vững và duy trì trật tự, kỷ cương, nền nếp các hoạt động giáo dục, phòng ngừa và ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực; xây dựng khối đoàn kết, nhất trí cao trong đơn vị, khơi dậy khả năng và thể mạnh của từng cá nhân để tạo sự đồng thuận và sức mạnh chung hoàn thành nhiệm vụ.

Thứ năm, phải triển khai có hiệu quả việc phát động và tổ chức các phong trào thi đua sâu rộng trong viên chức, sĩ quan, người lao động, người học Nhà trường; làm tốt công tác khen thưởng để động viên kịp thời và tạo động lực phấn đấu cho viên chức, sĩ quan, người lao động, người học Nhà trường thúc đẩy các hoạt động dạy và học trong các nhà trường.

PHẦN THỨ TƯ **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

I. Về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; triết lý giáo dục

Căn cứ vào sự đáp ứng sự hài lòng của các bên có liên quan và sự truyền tải vào các hoạt động nhà trường, đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:

1. Sứ mạng

Cũ: *Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực sư phạm giáo dục thể chất, thể dục thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giáo dục thể chất, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.*

Dự thảo mới: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội có sứ mệnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực Giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao và Giáo dục Quốc phòng – An ninh; góp phần nâng cao thể lực, trí lực, bản lĩnh và nâng cao tầm vóc con người Việt Nam; phát triển khoa học thể thao và Giáo dục thể chất hiện đại; **thực hiện chức năng đào tạo và cấp chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng**, xây dựng con người toàn diện, vì sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

2. Tầm nhìn

Cũ: *Đến năm 2030 sẽ trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo sư phạm giáo dục thể chất, thể dục thể thao; giáo dục quốc phòng và an ninh; chăm sóc sức khỏe; đào tạo tài năng thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng*

Dự thảo mới: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội hướng tới trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao tri thức hàng đầu quốc gia trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao, Giáo dục quốc phòng – An ninh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; phát triển mô hình giáo dục toàn diện, liên thông từ phổ thông đến đại học; là địa chỉ tin cậy trong tổ chức bồi dưỡng, cấp chứng chỉ Quốc phòng – An ninh cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng; đào tạo đội ngũ nhà giáo và huấn luyện viên có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh và năng lực; tiên phong trong nâng cao tầm vóc, thể lực, sức

khỏe tinh thần và trách nhiệm công dân cho thế hệ trẻ Việt Nam, xây dựng một xã hội khỏe mạnh, an toàn, nhân văn và phát triển bền vững.

3. Triết lý giáo dục của trường

Cũ: Cùng nhau kiến tạo cơ hội.

Mới dự thảo: “Rèn luyện thể chất – Phát triển trí tuệ – mẫu mực nhân cách – Vững vàng bản lĩnh – Phụng sự Tổ quốc”

Mô tả ý nghĩa của triết lý giáo dục trên

- Rèn luyện thể chất: Ý nghĩa: Thể chất là nền tảng căn bản của mọi hoạt động sống và học tập. Trong bối cảnh hiện đại, rèn luyện thể chất không chỉ là giữ gìn sức khỏe, mà còn là quá trình phát triển sức mạnh, sự dẻo dai, kỷ luật và tinh thần vượt khó – những yếu tố thiết yếu của người làm nghề giáo dục thể chất, huấn luyện viên thể thao và cán bộ giáo viên quốc phòng.

- Phát triển trí tuệ: Trí tuệ là cội nguồn của tư duy, sáng tạo và khả năng thích ứng với xã hội hiện đại. Giáo dục không thể dừng lại ở việc rèn luyện thân thể mà phải trang bị cho người học kiến thức vững chắc, kỹ năng nghề nghiệp, tư duy phản biện và năng lực đổi mới sáng tạo. Đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực chuyên môn và trình độ lý luận vững chắc. Gắn với đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập chủ động, học suốt đời. Đặc biệt cần thiết trong đào tạo giáo viên GDTC, huấn luyện viên thể thao, giáo viên và cán bộ quân sự – những người không chỉ làm mà còn “dạy – dẫn – định hướng” cho người khác.

- Mẫu mực nhân cách: Nhân cách là giá trị cốt lõi tạo nên bản sắc và ảnh hưởng xã hội của người học. Trong môi trường sư phạm, môi trường huấn luyện và quân sự, người học không chỉ cần có kiến thức và kỹ năng mà còn phải sống đúng – sống tử tế – có đạo đức nghề nghiệp và lý tưởng sống cao đẹp. Tôn vinh giá trị đạo đức, lối sống chuẩn mực, tác phong mẫu mực – rất cần trong nghề giáo và trong huấn luyện thể thao (gắn với hình ảnh “người thầy, người huấn luyện và người chỉ huy”). Lan tỏa nghĩa là không chỉ “có” nhân cách mà còn truyền cảm hứng, dẫn dắt người khác sống đúng và sống tốt. Là yếu tố giúp người học trở thành hình mẫu tích cực trong cộng đồng, đặc biệt khi đứng trong vai trò của người dạy dỗ và huấn luyện.

- Vững vàng bản lĩnh: Bản lĩnh là khả năng kiên định, vững vàng trước thử thách, áp lực và thay đổi. Đây là phẩm chất không thể thiếu trong môi trường giáo dục, thể thao thành tích cao và quốc phòng – an ninh, nơi người học phải đối mặt với khó khăn, áp lực thi đấu, sự cạnh tranh khốc liệt, kỷ luật nghiêm ngặt và sứ mệnh cao cả. Là sự kết hợp giữa trí tuệ, ý chí và năng lực hành động. Rèn luyện bản lĩnh giúp người học trở thành người dẫn dắt thay vì bị dẫn dắt, chủ động vượt qua nghịch cảnh. Trong giáo dục quốc phòng – an ninh, đây còn là bản lĩnh chính trị, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, bảo vệ Tổ quốc và giữ vững lý tưởng sống.

- Phụng sự Tổ quốc: Giáo dục không chỉ phục vụ cá nhân mà hướng tới sứ mệnh phụng sự cộng đồng và đất nước. Đây là đích đến cao nhất, cũng là lý tưởng sống của người học trong các lĩnh vực giáo dục thể chất, thể thao và quốc phòng. Nhân mạnh tinh thần trách nhiệm xã hội, lòng yêu nước và khát vọng cống hiến. Người học được đào tạo không chỉ để thành công cá nhân, mà còn để góp phần vào sự phát triển trí lực, thể lực và sức mạnh quốc gia. Phù hợp với vai trò của người thầy GDTC, Giáo viên QPAN, người huấn luyện viên, những người truyền lửa và nâng tầm thế hệ tương lai.

4. Giá trị cốt lõi

Cũ: *Chất lượng - Sáng tạo - Mô phạm - Bền vững.*

Dự thảo mới: *Chất lượng - Sáng tạo - Mô phạm - Năng động – Hội nhập*

Mô tả giá trị cốt lõi

- **Chất lượng:** Đảm bảo chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc gia, trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- **Sáng tạo:** Khuyến khích tư duy đổi mới, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập.

- **Mô phạm:** Xây dựng môi trường học tập và làm việc chuẩn mực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật và trách nhiệm cá nhân. Đặc biệt trong môi trường sư phạm và môi trường quân sự.

- **Năng động:** Khuyến khích sinh viên và giảng viên chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong công việc và học tập, sẵn sàng thích ứng với thay đổi.

- **Hội nhập:** Tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp thu tri thức và khoa học công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, chuẩn bị cho sinh viên khả năng làm việc trong môi trường hội nhập toàn cầu.

II. Về mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2035

1. Đối với mục tiêu chung

Đề nghị tiếp tục tập trung thực hiện mục tiêu xây dựng trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà trường, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng đào tạo; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện tốt việc đổi mới mục tiêu, chương trình, phương pháp dạy - học; tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ có uy tín về giáo dục thể chất, TĐTT; đến năm 2030 trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo giáo dục thể chất, thể dục thể thao; giáo dục quốc phòng và an ninh; chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

2. Về mục tiêu cụ thể

a) Về công tác đào tạo

- Phát triển ngành nghề đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển từ đào tạo theo năng lực của trường sang đào tạo theo nhu cầu xã hội. Cụ thể:

+ Mở rộng phạm vi đào tạo theo hướng liên ngành đáp ứng nhu cầu xã hội.

+ Mở trường phổ thông năng khiếu.

+ **Đào tạo chuyên sâu Y học thể thao trình độ đại học.**

- Phát triển quy mô đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo:

+ Đào tạo từ 3.000 đến 5.000 học viên, sinh viên.

+ Đào tạo giáo dục quốc phòng-an ninh 90.000 học sinh, sinh viên cho các trường đại học, học viện, cao đẳng khu vực Hà Nội.

+ 100% giảng viên sử dụng thông thạo AI và sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, cũng như đào tạo trực tuyến.

+ Đảm bảo đạt tỷ lệ 95% SV tốt nghiệp 1 năm.

+ Đảm bảo tỷ lệ 80%-90% SV có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm

+ Đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu cho các đơn vị, doanh nghiệp...

b) Về khoa học công nghệ

- Số tài cấp Bộ: 8 -10 đề tài

- Số tài cấp cơ sở: 30-40 đề tài

- Số bài báo khoa học quốc tế: 20-30

Trong đó:

+ Danh mục ISI/ Scopus: 5-7 bài

+ Khác: 13 - 15 bài

+ Tạp chí KH cấp Ngành trong nước: 300-400 bài

+ Tạp chí / tập san của cấp trường (Kỷ yếu trong nước)

- Tổ chức 01 hội nghị khoa học quốc tế.

- Tổ chức 01-02 hội nghị khoa học quốc gia.
- **Đảm bảo 100% giáo trình và học liệu phục vụ công tác đào tạo**
- Sản phẩm khoa học đăng ký sở hữu trí tuệ và các nghiên cứu có giá trị: 01 - 02

c) Công tác NCKH SV

- Số tài tham gia Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học toàn quốc khối các trường TDTT: 10-15 đề tài

- Số tài tham gia Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường: 80-100 đề tài

d) Công tác hợp tác quốc tế

- Đào tạo lưu học sinh: 28 sinh viên.
- Bồi dưỡng: 30-50 học viên.
- Tổ chức từ 5 đến 10 đoàn giao lưu và thi đấu TDTT ngoài nước.
- Cử 3 đến 5 đoàn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
- Ký kết từ 3 đến 5 Biên bản, thỏa thuận hợp tác với đối tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, liên kết đào tạo.

e) Về công tác đảm bảo chất lượng

- **Kiểm định 04 chương trình đào tạo: GDTC, HLTT, GDQP-AN, GDH.**
- Hoàn thành kiểm định chu kỳ 2 Cơ sở giáo dục.
- Cử đi học tập, bồi dưỡng cấp chứng nhận kiểm định viên từ 10 đến 20 người ưu tiên cho các khoa chuyên môn và các đơn vị quản lý ngành.
- Nhà trường căn cứ đi bồi dưỡng về công tác ĐBCL bên trong cho các viên chức là lãnh đạo, viên chức làm công tác ĐBCL tại các đơn vị trong Nhà trường.

g) Về công tác tổ chức bộ máy và đội ngũ

Mục tiêu phát triển đội ngũ viên chức, sĩ quan, người lao động đảm bảo số lượng, chất lượng, cơ cấu phù hợp vị trí việc làm của nhà trường đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030.

Trong đó:

- Mục tiêu xây dựng đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý, đảm bảo tiêu chuẩn, tiêu chí, năng lực đáp ứng quy định của Đảng và Nhà nước và vị trí việc làm của nhà trường. Chỉ tiêu cụ thể 100% lãnh đạo, cán bộ quản lý đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, tiêu chí, khung năng lực đội ngũ lãnh đạo, quản lý theo đề án vị trí việc làm.

- Mục tiêu xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu về số lượng, trình độ và quỹ thời gian để bảo đảm chất lượng giảng dạy và nghiên cứu. Chỉ tiêu cụ thể: Tỷ lệ người học quy đổi theo trình độ, lĩnh vực và hình thức đào tạo trên giảng viên toàn thời gian không lớn hơn 40. **Tỷ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ: Không thấp hơn 40% và từ năm 2030 không thấp hơn 50%.**

Tỷ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ: Không thấp hơn 20% và từ năm 2030 không thấp hơn 25%. Tỷ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ: Không thấp hơn 40% và từ năm 2030 không thấp hơn 50%.

- Mục tiêu xây dựng đội ngũ viên chức, người lao động hành chính đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, trình độ, cơ cấu, đáp ứng quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, năng lực theo đề án vị trí việc làm. Chỉ tiêu: 100% đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trong đó không quá 50% chức danh nghề nghiệp hạng II, Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Tối đa không quá 40%.

h) Về kết nối và phục vụ cộng đồng

- Ủng hộ, giúp đỡ các đối tượng đồng bào vùng sâu, vùng khó khăn: từ 500 đến 800 triệu đồng.

- Chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực TDTT từ 2 đến 3 sản phẩm cho cộng đồng.

- Bảo tồn, phát huy giá trị cộng đồng thông qua các hoạt động đào tạo phù hợp loại hình đào tạo của trường; Mở từ 4 đến 6 lớp đào tạo miễn phí cho trẻ em, các đối tượng chính sách.

- Đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện và các hoạt động công cộng.

- Tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng.

- Tổ chức các loại hình hoạt động nhằm bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, giá trị văn hóa địa phương.

i) Công tác nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất

Tiếp tục duy trì các mục tiêu đã đạt được, đẩy mạnh các hoạt động để đảm bảo đạt vượt mục tiêu đề ra, đồng thời điều chỉnh một số mục tiêu:

- Trung tâm GDQP&AN hoạt động theo mô hình tự chủ theo Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 05/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động để đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, trong đó tập trung.

- Hoàn thành dự án nhà thi đấu đa năng 44 tỷ.

- Cải tạo toàn bộ KTX.

- Cải tạo, nâng cấp sân điền kinh.

- Phòng tập môn Golf.

- Sân Pickleball

- Cải tạo, sửa chữa bể bơi; Cải tạo sửa chữa nhà ăn.

III. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

Xây dựng và phát huy vai trò của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động của Nhà trường. Đảng ủy Nhà trường thực sự đi đầu, đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức, sĩ quan, người lao động về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện các mục tiêu chiến lược. Thay đổi nhận thức, tư duy, tạo sự đồng thuận của toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức, sĩ quan, người lao động hiểu rõ sứ mạng, tầm nhìn, thuận lợi khó khăn, cơ hội, thách thức và mục tiêu của trường trong giai đoạn mới để cùng nhau chung sức phát triển Nhà trường.

2. Đẩy mạnh đổi mới công tác giáo dục và đào tạo

Thực hiện chủ trương chiến lược của Đảng về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), các nghị quyết, chỉ thị, đề án, kế hoạch, chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo phải tập trung được triển khai thực hiện quyết liệt theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Quy trình, chương trình, nội dung thường xuyên được đổi mới, bám sát thực tiễn

Các đơn vị, phải cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, sử dụng phương tiện, thiết bị hiện đại trong giảng dạy.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo phát huy tốt hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình từ khâu lựa chọn sinh viên/học viên và trong quá trình giảng dạy để đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Tăng tính tự chủ cho các đơn vị phòng, khoa, trung tâm trực thuộc, phát huy sự năng động, sáng tạo của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Rà soát, xây dựng lại toàn bộ nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, khu vực, quốc tế theo từng ngành nghề và cấp độ đầu tư. Cập nhật, chuyển giao các chương trình đào tạo chất lượng cao của các nước phát triển để thực hiện trong Nhà trường. Xây dựng và thực hiện lộ trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Biên soạn lại và biên soạn mới giáo trình cho tất cả các môn học, mô đun phù hợp với đào tạo nghề nghiệp.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của nhà trường tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phân cấp và tăng quyền tự chủ cho các đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm.

- Rà soát đánh giá đúng thực trạng đội ngũ. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, đồng bộ về cơ cấu. Từng bước tổ chức đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho giảng viên. Có kế hoạch đào tạo tài năng trẻ TDTT.

- Tổ chức quán triệt nâng cao nhận thức về tầm quan trọng phát triển đội ngũ giai đoạn 2025-2030; Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2020-2030 phù hợp thực tiễn.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức, sĩ quan, người lao động theo từng vị trí việc làm. Đặc biệt chú trọng bồi dưỡng chuyển đổi số cho viên chức, sĩ quan, người lao động.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế đi đôi với thu hút, tuyển chọn cán bộ quản lý và giảng viên có trình độ chuyên môn, có năng lực và nghiệp vụ sư phạm. Ưu tiên tuyển chọn giảng viên có trình độ cao công tác tại trường.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, thi đua khen thưởng.

- Bảo đảm thu nhập, chế độ đãi ngộ và các tiện nghi làm việc để cán bộ, giảng viên toàn tâm toàn ý phục vụ sự nghiệp phát triển của trường. Từng bước nâng cao thu nhập của CBGV.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Bồi dưỡng nâng cao trình độ một cách căn bản và hệ thống cho giáo viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Xây dựng cơ chế khuyến khích và bắt buộc CBGV, SV ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

- Có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về trường công tác

4. Đầu tư nguồn lực về tài chính và cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Sử dụng và phát huy có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có để phục vụ cho giảng dạy và học tập.

- Lập các dự án, đề án xây dựng cơ sở vật chất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phục vụ cho công tác đào tạo đảm bảo theo quy định của Bộ.

- Đầu tư mua sắm thiết bị, dụng cụ dạy học.

- Mở rộng quan hệ với doanh nghiệp nhằm khai thác chung tài nguyên (cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ,...).

- Xây dựng thư viện và nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin mạnh và tiên tiến, tạo điều kiện cho công tác quản lý, đào tạo.

- Nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhu cầu dịch vụ của các ngành kinh tế, xã hội, nhu cầu của người dân và doanh nghiệp gắn với các lĩnh vực đào tạo của trường để triển khai thực hiện dịch vụ.

- Tiếp tục duy trì các trung tâm để thực hiện dịch vụ .

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình để lựa chọn khoán thí điểm thu, chi cho một số khoa.

- Chủ động đa dạng hóa nguồn thu từ đào tạo, dịch vụ khoa học, sản phẩm khoa học, hợp tác quốc tế, hỗ trợ có mục tiêu của doanh nghiệp. Chủ động tìm nguồn kinh phí ngoài nhà nước, nguồn đầu tư của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế.

- Đổi mới cơ chế, cơ cấu và phương thức phân phối tiền lương theo hướng đảm bảo công bằng và khuyến khích cán bộ, viên chức đóng góp cho sự phát triển nhà trường.

- Từng bước thực hiện quản lý tài chính theo cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính, đảm bảo tài chính mạnh và chủ động.

- Tăng nguồn thu từ ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp thông qua việc thực hiện các chương trình dự án, xây dựng lộ trình thu học phí phù hợp.

- Lộ trình thực hiện tự chủ của Nhà trường.

5. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng nghiệp, tuyển sinh về hình ảnh, chất lượng đào tạo của nhà trường

- Quảng bá, tư vấn, giới thiệu về trường.

- Hàng năm, nhà trường xây dựng và trình phê duyệt đề án phát triển về cơ sở vật chất, chương trình và giáo trình, trang thiết bị, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên đáp ứng nhu cầu phát triển nhà trường về quy mô và chất lượng, tuyển sinh đào tạo.

- Kết hợp với các trường phổ thông tổ chức đón các học sinh phổ thông đến trải nghiệm, tham quan cơ sở vật chất, thiết bị và giới thiệu các ngành nghề đào tạo của trường. Thực hiện video, ấn phẩm quảng cáo, hình ảnh, các pano tuyển sinh,... và giới thiệu về trường, các ngành nghề đào tạo của trường. Đồng thời tổ chức và tham gia ngày hội tuyển sinh, ngày hội việc làm của trường để thông tin, giới thiệu về trường nhằm thúc đẩy, nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả trong công tác tuyển sinh.

- Liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp để sinh viên có điều kiện thực tập tại các doanh nghiệp cũng như nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp. Trên Website của trường cần cập nhật thường xuyên thông tin tuyển dụng các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho sinh viên đảm bảo có việc làm ngay sau khi đào tạo. Từ đó khuyến khích, động viên tinh thần học tập, tạo điều kiện để sinh viên có thể yêu trường và gắn bó với nghề ngay từ khi đang học trên ghế nhà trường.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030 (kèm theo các phụ lục tại báo cáo)/.

Nơi nhận:

- ĐU, HĐT; BGH;
- Các thành viên Ban;
- Hội nghị tổng kết;
- Lưu VT./.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
Phùng Xuân Dũng**